

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02/08/2016

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ (Bán niên 2016)

(Theo mẫu Phụ lục số 28 của Thông tư 183/2011/TT-BTC hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

**Kính gửi: Vụ Quản Lý Các Công Ty Quản Lý Quỹ và Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán
Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**

A. Thông tin về quỹ:

a) Tên của quỹ: Quỹ Đầu Tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Quỹ" hoặc "ENF")

Loại hình quỹ: Quỹ mở

b) Mục tiêu đầu tư của Quỹ: ENF hướng đến việc gia tăng một cách ổn định và bền vững về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. Với phương pháp phân bổ tài sản linh hoạt này, Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ: thời gian hoạt động không xác định

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không có

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Lợi nhuận của Quỹ được phân phối theo quyết định của Công ty Quản lý Quỹ và không có bất kỳ đảm bảo nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung tương tự của Quỹ trong tương lai. Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.

Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được tuyên bố và thực hiện, tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi tương ứng.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác, và Quỹ đã lập các quỹ dự

phòng. Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 30/06/2016: 6.710.434,29 chứng chỉ quỹ.

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Định nghĩa – Đại lý phân phối	Định nghĩa – Đại lý phân phối	Bổ sung “tổ chức kinh tế khác” - Theo Thông tư 15
2	Định nghĩa – Giá trị Tài sản ròng của Quỹ	Định nghĩa – Giá trị Tài sản ròng của Quỹ	Sửa đổi “thời điểm xác định Giá trị tài sản ròng”
3	Định nghĩa – Hợp đồng Giám sát”	Định nghĩa – Hợp đồng Giám sát”	Bỏ nội dung liên quan tới Phụ lục đính kèm
4	Định nghĩa – Ngân hàng giám sát	Định nghĩa – Ngân hàng giám sát	Cập nhật số giấy phép lưu ký của Ngân hàng HSBC
5	Định nghĩa – Ngày làm việc	Định nghĩa	Cập nhật định nghĩa Ngày làm việc
6	Định nghĩa – Ngày Định giá	Định nghĩa – Ngày Định giá	Bổ sung “ngày làm việc”
7	Định nghĩa – Ngày đóng sổ lệnh	Định nghĩa	Cập nhật định nghĩa Ngày đóng sổ lệnh
8	Định nghĩa – Ngày Giao dịch chứng chỉ Quỹ	Định nghĩa – Ngày Giao dịch chứng chỉ Quỹ	Bổ sung “chuyển đổi và/hoặc chuyển nhượng
9	Định nghĩa – Thời điểm đóng sổ lệnh	Định nghĩa – Thời điểm đóng sổ lệnh	Không muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường của Sơ giao dịch – Theo Thông tư 15
10	Định nghĩa – Thời điểm xác định Giá trị tài sản ròng	Định nghĩa	Cập nhật định nghĩa Thời điểm xác định Giá trị tài sản ròng
11	Định nghĩa – Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ	Định nghĩa – Tổng Giá trị Tài sản của Quỹ	Sửa đổi “thời điểm xác định Giá trị tài sản ròng”
12	Điều 7	Điều 7	Cập nhật số giấy phép lưu ký của Ngân hàng HSBC
13	Điều 8	Điều 8	Cập nhật số giấy phép lưu ký của Ngân hàng HSBC
14	Khoản 1, 3, 4, 5 Điều 10	Khoản 1, 3, 4, 5 Điều 10	Bổ sung chiến lược đầu tư – cổ phiếu Upcom; sửa đổi tài sản được đầu tư và giao dịch theo phương thức thỏa thuận – Theo

			Thông tư 15
15	Khoản 1, 3 Điều 11	Khoản 1, 3 Điều 11	Sửa đổi loại tài sản và hạn mức đầu tư – Theo Thông tư 15
16	Khoản 2 Điều 12	Khoản 2 Điều 12	Sửa đổi, bổ sung mục đích sử dụng khi vay ngắn hạn – Theo Thông tư 15
17	Khoản 3 Điều 14	Khoản 3 Điều 14	Bổ quy định tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan – Theo Thông tư 15
18	Điểm b) khoản 6 Điều 14	Điểm b) khoản 6 Điều 14	Bổ trách nhiệm cập nhật thông tin đối với tiểu khoản ký danh – Theo Thông tư 15
19	Khoản 3 Điều 16	Khoản 3 Điều 16	Bổ sung ngoại lệ nhà đầu tư ký danh ở nước ngoài – Theo Thông tư 15
20	Điểm b) khoản 3 Điều 17	Điểm b) khoản 3 Điều 17	Bổ sung trách nhiệm đại lý phân phối ghi rõ ràng thời gian, nhân viên – Theo Thông tư 15
21	Khoản 3 Điều 18	Khoản 3 Điều 18	Bổ sung khoản này để làm rõ quyền quyết định đóng tài khoản Nhà đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ
22	Khoản 1 Điều 19	Khoản 1 Điều 19	Bổ nội dung liên quan đến Phụ lục đính kèm
23	Khoản 4 Điều 19	Khoản 4 Điều 19	Bổ nội dung liên quan đến Phụ lục đính kèm
24	Khoản 6 Điều 19	Khoản 6 Điều 19	Sửa đổi công bố phí trên trang thông tin của Công ty quản lý quỹ – Theo Thông tư 15
25	Khoản 5 Điều 21	--	Bổ sung khoản này để làm rõ quy định tại Khoản 6 Điều 24 Thông tư 183.
26	Khoản 1, 2 Điều 22	Khoản 1, 2 Điều 22	Sửa đổi thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư – Theo Thông tư 15
27	Khoản 4, 5, 6 Điều 24	Khoản 4, 5, 6 Điều 24	Tỷ lệ thông qua nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư – Theo Thông tư 15
28	Khoản 9, Điều 39	Điều 39	Bổ sung nội dung về dịch vụ của ngân hàng giám sát và lưu ký

			liên quan đến các loại chứng khoán chưa niêm yết
29	Khoản 1 Điều 54	Khoản 1 Điều 54	Bổ sung khoản này để làm rõ thời điểm xác định Giá trị Tài sản ròng
30	Điều 55	Điều 55	Sửa đổi nội dung liên quan đến Phụ lục đính kèm
31	Khoản 1 Điều 64	Khoản 1 Điều 64	Bổ sung ngoại lệ không cung cấp thông tin thông kê giao dịch cho nhà đầu tư ký danh ở nước ngoài – Theo Thông tư 15
32	Phụ lục 1.2	Phụ lục 1.2	Cập nhật số giấy phép lưu ký của Ngân hàng HSBC
33	Phụ lục 1.3	Phụ lục 1.3	Cập nhật số giấy phép lưu ký của Ngân hàng HSBC

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Trên cơ sở được sự đồng ý của Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát trong cuộc họp Ban Đại diện Quỹ Quý IV-2015 tổ chức ngày 17/03/2016, Quỹ đã tiến hành Đại hội Nhà đầu tư thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bắt đầu từ tháng 03/2016 và kết thúc vào ngày 14/04/2016, với kết quả 81,33% tổng số chứng chỉ quỹ biểu quyết tham gia lấy ý kiến và 100% tham gia lấy ý kiến đồng ý chấp thuận, Đại hội nhà đầu tư năm tài chính 2015 đã chấp thuận thông qua Nghị quyết Đại hội với những nội dung chi tiết như sau:

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ.
- Thông qua báo cáo tài chính của Quỹ cho năm 2015 đã được Công ty TNHH KPMG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh kiểm toán độc lập.
- Thông qua báo cáo tình hình tài chính, tài sản và hoạt động của Quỹ cho năm 2015.
- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ trong năm tài chính 2016.
- Phê duyệt thù lao và chi phí hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ cho năm 2016.

Quỹ đã thực hiện đầy đủ việc báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và công bố thông tin về Đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư 183/2011/TT-BTC hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (sau đây gọi tắt là “CTQLQ”) đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý, bán niên theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

B. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ:

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/6 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

STT	Nội dung	30/06/2016	30/06/2015	30/06/2014
I	Tài sản			
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	20.389.905.847	2.056.967.306	5.218.568.904
	Tiền	20.389.905.847	2.056.967.306	1.207.891.050
	Tiền gửi ngân hàng	-	-	4.010.677.854
	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
I.2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)	71.445.782.700	65.314.090.400	60.244.461.000
1	Cổ phiếu	57.370.194.900	39.760.203.800	29.763.990.000
2	Trái phiếu	14.075.587.800	25.553.886.600	30.480.471.000
I.3	Cổ tức, trái tức được nhận	342.934.123	862.811.552	918.187.123
I.4	Lãi được nhận	-	-	2.745.343
I.5	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)	-	8.257.914.521	228.856.200
1	Tiền bán cổ phiếu chờ thu	-	8.257.914.521	228.856.200
2	Tiền bán trái phiếu chờ thu	-	-	-
I.8	Tổng tài sản	92.178.622.670	76.491.783.779	66.612.818.570
II	Nợ	-	-	-
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)	-	-	-
1	Phải trả về mua cổ phiếu	-	-	-
2	Phải trả về mua trái phiếu	-	-	-

II.2	Các khoản phải trả khác	500.719.894	286.421.480	143.075.819
II.3	Tổng nợ	500.719.894	286.421.480	143.075.819
	Tài sản ròng của quỹ đầu tư (I.8-II.3)	91.677.902.776	76.205.362.299	66.469.742.751
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	6.710.434	6.724.989	6.699.934
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	13.662	11.332	9.921

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo: 13.662 đồng/CCQ

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo: 11.207 đồng/CCQ

2. Thu nhập, doanh thu hoạt động đầu tư 6 tháng đầu năm 2016:

Chỉ tiêu	Mã số	Bán niên 2016	Bán niên 2015
I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01	11.954.684.847	5.638.853.490
1.1. Cổ tức được chia	02	1.342.999.000	1.016.982.000
1.2. Tiền lãi được nhận	03	587.038.347	1.185.067.990
1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	04	6.820.196.176	1.277.340.606
1.4. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	3.204.451.324	2.159.462.894

3. Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo:

Trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

4. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Bán niên 2016	Bán niên 2015
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động	2264		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	2265	1,49%	1,49%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	2266	0,14%	0,14%
3	Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	22661	0,20%	0,13%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	2267	0,46%	0,35%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	2268	0,21%	0,25%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	2269	2,75%	2,57%

5. Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Bán niên 2016	Bán niên 2015
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động	2264		
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/(2xGiá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ)	2270	66,48%	51,06%

6. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Lợi nhuận ròng bình quân năm tính từ thời điểm lập quỹ vào tháng 3/2014 tới ngày báo cáo 30/6/2016, đạt được 14,90% /năm (tương ứng mức lợi nhuận bình quân năm 17.7%/năm trước khi tính chi phí của Quỹ).

7. Các chỉ tiêu so sánh khác:

Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ được quy định cụ thể trong Chính sách định giá tài sản lập bởi Công ty quản lý quỹ, rà soát bởi Ngân hàng giám sát và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt. Giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Bán niên 2016	Bán niên 2015
II	Các chỉ tiêu khác	2272		
1	Quy mô quỹ đầu kỳ	2273		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	2274	67.822.392.700	66.743.655.800
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	2275	6.782.239.27	6.674.365.58
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ	2276		
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ	2277	19.712,01	67.423,36
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ	2278	197.120.100	674.233.600
	Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ	22781	(91.516,99)	(16.799,50)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư	22782	(915.169.900)	(167.995.000)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ	2279		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	2280	67.104.342.900	67.249.894.400
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ	2281	6.710.434.29	6.724.989.44
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ	2282	96,64%	96,31%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	2283	98,58%	98,21%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	2284	79,28%	79,11%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể	22841		

	cả giao dịch ký danh		116	117
8	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cuối kỳ	2285	13.662	11.332

Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

C. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ):

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2016, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ của ENF đạt 13.662 VNĐ tại thời điểm báo cáo, tăng 13,3% từ mức 12.058 VNĐ tại thời điểm cuối năm 2015. Giá trị tài sản ròng của Quỹ đạt 91,68 tỷ VNĐ. Đây là kết quả tương đối khả quan nếu so sánh với mức lợi nhuận chung của thị trường vốn và các quỹ khác có cùng cơ cấu danh mục đầu tư trong 6 tháng hoạt động vừa qua.

Như vậy, kể từ khi thành lập vào tháng 3/2014 cho đến thời điểm 30/06/2016, giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tăng trưởng 36,6%, tương ứng với mức tỷ suất lợi nhuận ròng bình quân năm là 14,9%/năm

Quỹ có chiến lược đầu tư vào danh mục đa tài sản, bao gồm Trái phiếu và Cổ phiếu. Kết quả hoạt động khả quan của Quỹ có sự đóng góp lớn từ danh mục Cổ phiếu. Trong 6 tháng đầu năm 2016, danh mục Cổ phiếu của Quỹ đã mang lại tỷ suất lợi nhuận gộp (trước khi trừ chi phí) là 21,4%, so với cùng kỳ chỉ số VNIndex đạt 632,3 điểm, tăng 9,2% (không bao gồm cổ tức) từ mức 579 điểm tại thời điểm cuối năm 2015. Kết quả này đã phản ánh hiệu quả của việc lựa chọn đúng và chính xác cổ phiếu và lựa chọn phân bổ ngành trong quá trình đầu tư (chi tiết được đề cập trong phần (e) dưới đây) của đội ngũ điều hành và Ban Đại diện Quỹ. Trong khi đó, danh mục Trái phiếu và Tiền cũng mang lại tỷ suất lợi nhuận gộp 4,7% trong 6 tháng đầu năm, đóng vai trò bảo vệ giá trị tài sản của Quỹ trong những lúc thị trường Cổ phiếu suy giảm.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Kể từ khi Quỹ thành lập, Quỹ đã kiên định với chiến lược đầu tư ban đầu được đề ra, đó là “phân bổ tài sản hợp lý” và “chọn lựa Tài sản Mục tiêu”. Về danh mục Cổ phiếu, với nhận định thị trường Cổ phiếu tiếp tục là kênh đầu tư hiệu quả, Quỹ đã duy trì tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư cao vào tài sản Cổ phiếu ở mức 60% - 75% trong 6 tháng đầu năm. Chiến lược chọn lọc Cổ phiếu đầu tư của Quỹ là các công ty có mô hình kinh doanh vững chắc, có lợi thế kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề đang hoạt động, có triển vọng tăng trưởng bền vững, và tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi.

Về phương diện chọn lựa Cổ phiếu theo nhóm ngành, Ban Điều hành Quỹ giữ tỷ trọng đầu tư cao ở những ngành có triển vọng phát triển bền vững, như ngành Thông tin – Viễn thông (Cty CP FPT – FPT), ngành Năng lượng (Cty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 – NT2), ngành Xây dựng Hạ tầng (Cty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM - CII), ngành Vật liệu xây dựng công nghiệp (Cty CP Tập đoàn Hòa Phát – HPG), ngành Dịch vụ Cảng biển (Cty CP Tập đoàn Container Việt Nam - VSC), vv... Giá Cổ phiếu các công ty này trong thời gian qua đã tăng trưởng khá cao, điển hình là Cổ phiếu NT2 với mức tăng gần 75%

Về danh mục Trái phiếu và Tiền, trong 6 tháng đầu năm 2016 Quỹ đã duy trì tỷ trọng nắm giữ Trái phiếu và Tiền ở mức từ 25% đến 40% tổng giá trị tài sản Quỹ. Hiện tại Quỹ đang nắm giữ Trái phiếu Chính phủ kì hạn 13 năm với nhận định lợi suất trái phiếu kì hạn dài ổn định hơn kì hạn ngắn.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

So với thời điểm cuối năm 2015, trong 6 tháng đầu năm 2016, Quỹ đã duy trì tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư vào tài sản Cổ phiếu ở mức 60%-75%, và duy trì tỷ trọng nắm giữ Trái phiếu và Tiền ở mức 25%-40% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Không có khác biệt so với phần thuyết minh tại mục b của phần C này, vì trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap)...; Xem chi tiết các phần trình bày trong phần thuyết minh tại mục b, e của phần C này

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Tại ngày 30/06/2016, tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan là 96,64%.

m) Các thông tin khác (nếu có).

D. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát:

a) CTQLQ vi phạm các quy định tại Khoản 1 Điều 37 Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở của Luật chứng khoán: **Không có**

b) CTQLQ định giá sai chứng chỉ Quỹ mở:

- Trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở: **Không có**
- Trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: **Không có**

c) CTQLQ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay, hạn chế giao dịch tại Điều 92 của Luật chứng khoán; Điều 15, 16, 17 Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và khoản 11, 12 Điều 1 Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC: **Không có**

d) CTQLQ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ quỹ (ngoại trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 và khoản 2 Điều 12 Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở): **Không có**

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày ngày 31/12/2015	: 6.782.239,27 CCQ
Tổng số chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ	: 19.712,01 CCQ
Tổng số chứng Quỹ mua lại trong kỳ	: 91.516,99 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2016	: 6.710.434,29 CCQ

e) CTQLQ vi phạm các quy định khác mà Ngân hàng giám sát phát hiện: **Không có**

f) Các hoạt động khác: **Không có**

E. Báo cáo về hoạt động ủy quyền :

- Tổng Chi phí hoạt động 6 tháng đầu năm 2016: 1.069.955.872 VNĐ
- Các dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam). Chi tiết chi phí dịch vụ ủy quyền như sau:

Chi tiêu	Chi phí hoạt động (VNĐ)	%/Chi phí hoạt động
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.096.816	1,50%
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	68.359.863	6,39%

Các hoạt động ủy quyền này không ảnh hưởng đến lợi nhuận và mức độ rủi ro của Quỹ.

Theo ghi nhận của CTQLQ, bên nhận ủy quyền đáp ứng được yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ
Eastspring Investments**



Nguyễn Tuan Thân An

